

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày: 19 - 5 - 2023

*"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi
và vay tài sản"*

**NHÂN DANH
N CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông: **Huỳnh Văn H**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST – DS ngày 07 tháng 02
năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*” theo quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Tòa
án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Phan Thị T** – sinh năm: 1974 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm:
1974 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 24/11/2022, trong quá trình tham gia tố
tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà là đầu thảo hụi còn bà Phan Thị T là hụi viên, bà T có tham gia của bà
02 dây hụi cụ thể:

Dây 1: Hụi mở ngày 26/3(âl)/2017 nhằm ngày 22/4(dl)/2017, mần hụi
ngày 22/6(dl)/2018, loại hụi tiền 1.000.000đ, có 28 phần, bà T tham gia 01 phần,
tiền huê H cho đầu thảo là 400.000đ/lần khai hụi, hụi tuần, hai tuần khai hụi một
lần. Bà T hốt hụi ở lần khai hụi thứ nhất sau khi trừ tiền huê H thì bà T hốt được
số tiền 22.280.000đ. Sau khi hốt hụi thì bà T đóng tiền hụi chết cho bà được 11
lần hụi với số tiền là 11.000.000đ, đến lần khai hụi thứ 12 thì bà T ngưng không

đóng tiền hội chết cho bà, bà phải choàng tiền hội cho bà T 16 lần với số tiền hội là 16.000.000đ.

Dây 2: Hội mở ngày 04/4(âl)/2017 nhằm ngày 29/4(dl)/2017, mần hội ngày 29/8(âl)/2018, loại hội tiền 1.000.000đ, có 26 phần, bà T tham gia 01 phần, tiền huê H là 400.000đ/lần khui hội, hội tuần, một tuần khui hội một lần. Bà T hốt hội ở lần khui hội thứ 9 sau khi trừ tiền huê H cho đầu thảo thì bà T hốt được số tiền 21.540.000đ. Sau khi hốt hội thì bà T không đóng tiền hội chết cho bà, bà phải choàng tiền hội cho bà T 16 lần với số tiền hội là 16.000.000đ.

Tổng cộng bà đã choàng 02 dây hội cho bà T với số tiền là 32.000.000đ.

Ngoài ra vào ngày 11/4(âl)/2017 nhằm ngày 06/5(dl)/2017 bà có cho bà T vay số tiền là 20.000.000đ, có viết biên nhận.

Ngày 04/5(âl)/2017 nhằm ngày 29/5(dl)/2017 bà có cho bà T vay tiếp số tiền là 15.000.000đ, có viết biên nhận.

Tổng cộng 02 lần bà cho bà T vay số tiền là 35.000.000đ.

Sau đó bà có nhiều lần đến gặp bà T và ông N yêu cầu trả tiền hội và tiền vay cho bà nhưng bà T và ông N chỉ hứa nhiều lần nhưng không trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền hội là 32.000.000đ và tiền vay vốn là 35.000.000đ bà yêu cầu tính tiền lãi là với lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vốn vay 35.000.000đ từ ngày 29/5(dl)/2017 đến ngày 29/4/2023 là 71 tháng thành tiền 35.000.000đ x 71 tháng x 1%/tháng = 24.850.000đ. Tổng cộng tiền hội và tiền vay là 91.850.000đ.

Bà T, ông N đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà T, ông N không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa. Xét việc vắng mặt của bà T, ông N không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông N.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội và vay tài sản giữa bà H và bà T, ông N. Bà T, ông N có nơi cư trú tại ấp Tân Trung, xã Trung Thành Tây, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Bị đơn bà Phan Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không đến nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T và ông N.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hui và vay tài sản giữa bà H và bà T, ông N được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà H trình bày bà H là đầu thảo hui còn bà T là hui viên, bà T có tham gia 02 dây hui của bà H. Sau khi hốt hui thì bà T không đóng tiền hui chết lại cho bà H nên bà H đã choàng hui cho bà T 02 dây hui với số tiền là 32.000.000đ và tiền vay là 35.000.000đ. Nay bà H yêu cầu bà T và ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui là 32.000.000đ và tiền vay vốn là 35.000.000đ và tiền lãi là 24.850.000đ. Tổng cộng tiền hui và tiền vay là 91.850.000đ.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở nên được chấp nhận vì theo danh sách hui ngày 26/3(âl)/2017 thì trong danh sách hui tên bà T thể hiện tại số thứ tự 21 “T” thể hiện bà T đã hốt hui nhưng không đóng tiền hui chết lại cho bà H 16 lần hui. Tại danh sách hui ngày 04/4(âl)/2017 thì trong danh sách hui tên bà T thể hiện tại số thứ tự 18 “T” thể hiện bà T đã hốt hui nhưng không đóng tiền hui chết lại cho bà H 16 lần hui. Tại biên nhận nợ ngày 11/4(âl)/2017 thể hiện bà T có mượn Dì Năm 20.000.000đ và biên nhận nợ ngày 04/5(âl)/2017 thể hiện bà T có mượn Dì Năm 15.000.000đ, cả hai biên nhận bà T đều có ký tên và ghi họ tên. Tại phiên tòa bà H trình bày do bà H thứ Năm nên bà T thường gọi bà H là Dì Năm. Tại phiên tòa hôm nay bà T, ông N vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình buộc bà T và ông N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền nợ hui là 32.000.000đ và tiền vay vốn và lãi là 59.850.000đ. Tổng cộng là 91.850.000đ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T và ông N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.592.500đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hui là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) và tiền vay vốn là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 24.850.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng cộng bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 91.850.000đ (Chín mươi một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Phan Thị T, ông Nguyễn Văn N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.592.500đ (Bốn triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh